

việc đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính; đồng thời thực hiện tốt vai trò giám sát đối với việc thực hiện Pháp lệnh của các cơ quan Nhà nước.

— Bộ Thông tin có kế hoạch in ấn các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc phổ biến Pháp lệnh một cách rộng rãi; các phương tiện thông tin đại chúng (các báo, đài phát thanh, đài truyền hình ở Trung ương và địa phương) cần có chương trình phổ biến toàn văn Pháp lệnh và các tài liệu tìm hiểu, giải thích về nội dung pháp lệnh.

— Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp có kế hoạch tổ chức việc học tập, tìm hiểu Pháp lệnh, đồng thời phải liên hệ kiểm điểm đánh giá tình hình về tôn trọng Pháp luật và vi phạm Pháp luật trong lĩnh vực xử phạt hành chính nhằm giúp cho cán bộ, nhân viên hiểu và nắm vững thực tiễn áp dụng Pháp luật, có biện pháp thực tế khắc phục tình trạng lộn xộn và buông lỏng Pháp luật.

**4. Củng cố tổ chức bộ máy và cán bộ của các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.**

Bộ Nội vụ, Tổng cục Hải quan, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Tài chính, Bộ Nội thương, Trọng tài kinh tế Nhà nước và những cơ quan thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước chuyên ngành, Ủy ban Nhân dân các cấp có kế hoạch kiện toàn tổ chức bộ máy, tổ chức tập huấn về Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản có quy định về xử phạt vi phạm hành chính, những văn bản có liên quan trực tiếp đến xử phạt vi phạm hành chính phù hợp với Pháp lệnh cho cán bộ của ngành, địa phương có thẩm quyền xử phạt. Các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được Pháp lệnh quy định phải tiến hành đồng bộ các biện pháp để kiên quyết chấm dứt tình trạng xử phạt tùy tiện, sai thẩm quyền; đồng thời làm cho cán bộ, nhân viên Nhà nước nắm vững và thi hành đúng Pháp lệnh, phát

hiện vi phạm hành chính kịp thời, xử lý công minh, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng Pháp luật.

Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành để kiện toàn các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan này thi hành tốt Pháp lệnh.

Các Bộ, ngành, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của mình cần khẩn trương thực hiện toàn bộ nội dung các công việc trên đây và đến tháng 6 năm 1990 phải hoàn thành.

Trong quá trình tiến hành các công việc này, các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân các địa phương phải định kỳ báo cáo kết quả về Hội đồng Bộ trưởng và Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kết quả thi hành Chỉ thị này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Chủ tịch  
**VÕ VĂN KIẾT**

**QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 81-CT ngày 19-3-1990 về việc giải thè Liên hiệp xã Trung ương.**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;*

*Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 15-7-1988 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các hợp tác xã và các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay giải thể Liên hiệp xã tiêu thủ công nghiệp Trung ương gọi tắt là Liên hiệp xã Trung ương, thành lập theo Nghị định số 279-CP ngày 2-11-1978 của Hội đồng Chính phủ.

Điều 2. — Ban Tổ chức của Chính phủ cùng Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức việc kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất và cán bộ, nhân viên của Liên hiệp xã, kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng việc chuyển giao cho Ban trụ bị đại hội thành lập Hội đồng Trung ương các hợp tác xã và các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh quản lý sử dụng và những tài sản, cơ sở vật chất giao cho cơ quan khác quản lý sử dụng.

Điều 3. — Việc giải thể và việc xử lý tài sản, vật tư, biên chế v.v... phải hoàn thành trong quý 2 năm 1990.

Điều 4. — Chủ nhiệm Liên hiệp xã Trung ương, thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Chủ tịch  
TRẦN ĐỨC LƯƠNG

## CÁC BỘ

## LIÊN BỘ

**THÔNG TƯ Liên bộ số 4-TT/LB ngày 6-3-1990 quy định trách nhiệm, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa ba ngành Lâm nghiệp, Kinh tế đối ngoại, Hải quan trong việc quản lý và kiểm tra xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản.**

Căn cứ Quyết định số 99 — CT ngày 24-4-1989, của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chế biến từ gỗ, Quyết định số 276 — CT ngày 6-10-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về quản lý hạn ngạch và giấy phép xuất, nhập khẩu hàng hóa, Nghị định số 39 — CP ngày 5-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về săn bắt chim thú rừng, Quyết định số 34 — HĐBT ngày 3-2-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp lại tổ chức dịch vụ sản xuất và xuất, nhập khẩu lâm sản.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng ngành:

Liên Bộ Bộ Lâm nghiệp — Bộ Kinh tế đối ngoại — Tổng cục Hải quan quy định trách nhiệm, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa ba ngành trong việc quản lý, kiểm tra xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản bằng đường mậu dịch và phi mậu dịch như sau:

## I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản bao gồm các loại sau đây:

a) Lâm sản: gồm gỗ tròn, gỗ xẻ, đặc sản rừng, cây thuốc và thực vật quý hiếm lấy từ rừng, động vật rừng, lâm sản phụ khác.

b) Sản phẩm chế biến từ lâm sản: gồm gỗ lạng, ván sàn, đồ gỗ, hạt giống cây rừng, sản phẩm chế biến từ động vật rừng và thực vật rừng.

2. Lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản xuất khẩu, được chia thành các nhóm sau đây:

a) Nhóm cấm xuất khẩu: gỗ quý hiếm, gỗ tròn, đặc sản rừng và động vật rừng quý hiếm (phụ lục 1 đính kèm).

b) Nhóm được xuất khẩu có các điều kiện sau:

— Khả năng tài nguyên rừng có thể đáp ứng